



THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NĂM HỌC 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên trường: TRUNG TÂM GDNN-GDTX DĨ AN

2. Địa chỉ: Khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 0274.3752025

Website:

Email: gdtx-dian@sgdbinhduong.edu.vn

3. Loại hình; Chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Dĩ An

Có chức năng chính là cung cấp các chương trình giáo dục linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người, ở mọi trình độ và lứa tuổi.

Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và THPT: Giúp người học hoàn thành chương trình phổ thông để có bằng tốt nghiệp.

4. Mục tiêu giáo dục:

Mục tiêu là cung cấp cơ hội học tập linh hoạt, đa dạng cho mọi đối tượng, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, và xây dựng xã hội học tập, qua đó phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương và quốc gia.

Xây dựng và duy trì Trung tâm GDNN – GDTX Dĩ An trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng

học viên; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”. Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông ở trình độ THPT và nghề sơ cấp.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mới trong công tác quản lý, dạy học, kiểm tra – đánh giá; triển khai học bạ số, hệ thống quản lý học viên trực tuyến; nhập liệu đầy đủ dữ liệu Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

5. Quá trình thành lập và phát triển:

- **Quá trình thành lập:** Quyết định thành lập đơn vị: Số 3109/QĐ-UBND ngày 11/07/2007 Quyết định về việc hợp nhất Trung tâm GDTX và Trung tâm KT-TH-HN ở các huyện, thị xã.
- **Quá trình phát triển:** Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 Quyết định về việc tổ chức Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện tỉnh Bình Dương; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 Quyết định về việc chuyển đổi cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thị xã Dĩ An thành cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Dĩ An.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Từ Anh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, TP Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại: 0913751781

Email: tuanhluan66@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường:

- Quyết định thành lập đơn vị: Số 3109/QĐ-UBND ngày 11/07/2007 Quyết định về việc hợp nhất Trung tâm GDTX và Trung tâm KT-TH-HN ở các huyện, thị xã.
- Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 Quyết định về việc tổ chức Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện tỉnh Bình Dương;
- Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 Quyết định về việc chuyển đổi cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thị xã Dĩ An thành cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Dĩ An.

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận giám đốc, phó giám đốc:

* Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND thành phố Dĩ An Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Dĩ An.

* Quyết định số 5267/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thành phố Dĩ An Quyết định về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX thành phố.

* Quyết định số 5499/QĐ-UBND ngày 20/09/2024 của UBND thành phố Dĩ An Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn;

sơ đồ tổ chức bộ máy: Quyết định số 4747/QĐ-UBND ngày 16/08/2024 của UBND thành phố Dĩ An Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm GDNN-GDTX Dĩ An.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

- **Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên:** 50 người/36 nữ
- **Tổng số biên chế :** 43/50
- **Phân loại theo chức danh:**

- + Quản lý: 3 người
- + Giáo viên: 39 người
- + Nhân viên hành chính, phục vụ: 8 người

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Diện tích khuôn viên, cảnh quan, môi trường sư phạm:

- Diện tích đất Trung tâm được cấp : 7.143,25 m². (Số đo lưu tại đơn vị)
- Diện tích các công trình xây dựng: 3.500 m²
- Cảnh quan: Thoáng mát, không khí trong lành
- Môi trường: Trật tự, vệ sinh và an toàn.

1. KHỐI PHÒNG HỌC KIẾN CỐ: Gồm 1 tầng trệt và 3 tầng lầu

1.1. Phòng học văn hóa: 11 phòng học

1.2. Phòng chức năng:

- + 2 phòng thực hành nghề may
- + 3 Phòng tin học
- + 1 Phòng hội trường
- + 1 Phòng Thư viện, thiết bị

1.3. Phòng làm việc:

- + Phòng Giám đốc : 1 Phòng
- + Phòng Phó giám đốc: 2 Phòng
- + Phòng Kế toán: 1 Phòng
- + Phòng hành chính: 1 Phòng
- + Phòng Công đoàn: 1 Phòng
- + Phòng Đoàn Thanh niên: 1 Phòng
- + Phòng Chi Ủy: 1 Phòng
- + Phòng tiếp dân và tư vấn tâm lý học đường: 1 Phòng chung với phòng

PGĐ

- + Phòng Giáo viên: 1 Phòng
- + Phòng bảo vệ : 1 Phòng
- + Khu nhà xe Giáo viên: 1 khu có mái che
- + Khu để xe cho học viên: 2 Khu (phía sau phòng học có lót gạch và lưới che tạm)

+ Khu nhà vệ sinh: có 4 khu nhà vệ sinh giáo viên, học viên nam nữ riêng biệt)

2. KHỐI PHÒNG HỌC BÁN KIẾN CỐ:(Dãy nhà cấp 4)

2.1 Phòng học: 16 phòng (Đã cũ và xuống cấp)

- + 10 Phòng làm phòng học văn hóa (Đã được tu sửa tạm để sử dụng)
- + 1 Phòng làm phòng dạy lý thuyết nghề ngắn hạn.
- + 1 Phòng thiết bị điện (Dạy nghề ngắn hạn)
- + 4 phòng học còn lại hư hỏng nặng ở trần nhà (Đã xin UBNDTP kinh phí sửa chữa nhưng chưa được duyệt hiện đang dùng làm kho)

2.2 Phòng chức năng: (Có diện tích nhỏ bằng ½ phòng học)

- +1 Phòng giáo viên nam (Dùng để nghỉ trưa)
 - + 1 Phòng y tế
 - + 1 Phòng dạy thực hành nấu ăn
 - + 1 Phòng dạy thực hành pha chế
 - + 1 Phòng Trực tuyến sinh nghề.
 - + 1 Phòng bảo vệ (Công phụ)
 - + 1 Căn tin
- Sân chơi: Lót gạch, có trồng cây xen lẫn.

3. HỆ THỐNG CAMERA AN NINH:

Trung tâm đã trang bị 2 hệ thống camera xung quanh sân trường, trước và sau các dãy phòng học với tổng số lượng là 24 mắt kết nối với 3 màn hình tivi và 3 điện thoại di động của ban giám đốc.

Hàng năm Trung tâm thực hiện sửa chữa, bảo trì hệ thống thường xuyên đảm bảo hệ thống luôn hoạt động tốt.

4. CƠ SỞ VẬT CHẤT VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY:

- Công trình xây dựng trường học mới khi bàn giao năm 2011 có trang bị hệ thống PCCC đầy đủ các thiết bị tuy nhiên trong quá trình sử dụng hệ thống xuống cấp và hàng năm Trung tâm đã có kế hoạch sửa chữa, thay mới, bảo trì đảm bảo các yêu cầu về an toàn PCCC.

- Hiện Trung tâm có hệ thống phòng cháy chữa cháy như sau:

- 1 hầm nước 20 m³, 01 máy bơm điện, 01 máy bơm dầu

- 07 tủ phòng cháy chữa cháy, hệ thống ống dẫn nước âm tường chữa cháy ở tầng trệt và 03 tầng lầu

- 17 Bình bột và 17 Bình Khí chữa cháy được lắp ở các khu vực dễ thấy, dễ lấy ở các dãy lầu và tầng trệt nhằm tiện lợi nhất cho công tác phòng cháy chữa cháy.

- Có lắp hệ thống báo cháy tự động ở các phòng chức năng của Trung tâm.

- Các thiết bị, hệ thống PCCC trong Trng tâm luôn được đội PCCC của Trung tâm định kỳ và đột xuất kiểm tra và có đề xuất sửa chữa kịp thời đảm bảo các thiết bị luôn trong tình trạng sử dụng tốt.

- Hàng năm Trung tâm luôn kiện toàn đội phòng cháy chữa cháy trong đơn vị và được tập huấn thực tập phương án chữa cháy. (Có quyết định phê duyệt kèm theo, trong đó có quy định chức năng nhiệm vụ đội PCCC cơ sở Theo luật PCCC).

- Tất cả Viên chức - người lao động trong trung tâm đều được tham gia tập huấn công tác PCCC do Công an Thành phố Dĩ An tổ chức.

- Học viên trong trung tâm cũng được nhà trường tổ chức cho tập huấn các kỹ năng PCCC tại

trường do đội PCCC của trung tâm hướng dẫn.

- Hàng năm Trung tâm có mua bảo hiểm cháy nổ (Bảo hiểm rủi ro tài sản) theo quy định (phê duyệt kèm theo)

- Có biên bản kiểm tra AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY của Công an Thành Phố Dĩ An.(phê duyệt kèm theo)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC: (Chưa thực hiện được do không đáp ứng tiêu chí về cơ sở vật chất).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

S T T	Môn	Lớp 10						Lớp 11				Lớp 12				
		Số lượng học sinh	<5		≥5		Số lượng học sinh	<5		≥5		Số lượng học sinh	<5		≥5	
			số lượng	Tỷ lệ	số lượng	Tỷ lệ		số lượng	Tỷ lệ	số lượng	Tỷ lệ		số lượng	Tỷ lệ	số lượng	Tỷ lệ
1	Toán	39 9	41	10,2 8%	35 8	89,7 2%	41 4	74	17,8 7%	34 0	82,1 3%	39 7	14 9	37,5 3%	24 8	62,4 7%
2	Vật Lý	35 8	13 7	38,2 7%	22 1	61,7 3%	36 8	10 0	27,1 7%	26 8	72,8 3%	35 8	12 8	35,7 5%	23 0	64,2 5%
3	Hóa học	39 9	14 1	35,3 4%	25 8	64,6 6%	21 6	71	32,8 7%	14 5	67,1 3%	19 7	26	13,2 0%	17 1	86,8 0%
4	Sinh học	31 6	75	23,7 3%	24 1	76,2 7%	15 8	14	8,86 %	14 4	91,1 4%	70	15	21,4 3%	55	78,5 7%
5	Ngữ văn	39 9	17	4,26 %	38 2	95,7 4%	41 4	37	8,94 %	37 7	91,0 6%	39 7	29	7,30 %	36 8	92,7 0%
6	Địa lý	32 1	7	2,18 %	31 4	97,8 2%	28 8	12	4,17 %	27 6	95,8 3%	31 8	16	5,03 %	30 2	94,9 7%
7	Lịch sử	39 9	6	1,50 %	39 3	98,5 0%	41 4	19	4,59 %	39 5	95,4 1%	39 7	41	10,3 3%	35 6	89,6 7%
8	Tin học	16 1	5	3,11 %	15 6	96,8 9%	41 4	39	9,42 %	37 5	90,5 8%	39 7	1	0,25 %	39 6	99,7 5%
11	GDK TPL	41	14	34,1 5%	27	65,8 5%	21 2	4	1,89 %	20 8	98,1 1%	24 8	1	0,40 %	24 7	99,6 0%

* Khối lớp 10: Lên lớp 386/399 (tỉ lệ 96,74%)

* Khối lớp 11: Lên lớp 403/412 (tỉ lệ 97,82%)

* Khối lớp 12: Được dự thi Tốt nghiệp 395/396 (99,75%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

a. Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NỘI DUNG/ NGUỒN CHI:	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		
DỰ TOÁN GIAO (2)	7.950.324.827	1.555.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)		
DỰ TOÁN GIẢM (4)	34.700.000	92.078.351
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	7.915.624.827	1.462.921.649
DỰ TOÁN CHI	7.915.624.827	1.462.921.649
1. Tiền lương	3.678.013.783	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	256.581.590	
3. Phụ cấp lương	1.597.715.904	
4. Các khoản đóng góp	1.069.409.523	
5. Phụ cấp làm thêm giờ		951.506.075
6. Thanh toán dịch vụ công cộng	113.178.885	
7. Vật tư văn phòng	43.071.550	
8. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	30.080.236	
9. Hội nghị	2.000.000	
10. Công tác phí	53.540.000	
11. Chi phí thuê mướn	29.282.000	2.450.000
12. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	34.561.960	49.882.500
13. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	281.552.120	
14. Mua sắm tài sản, phục vụ công tác chuyên môn		48.722.000
15. Chi khác	397.100	376.463.854
16. Hỗ trợ chi phí học tập		6.200.000
17. Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng CS		27.697.220
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	0
CHUYỂN SANG NĂM 2024	0	0

b. Nguồn dịch vụ, thu hộ chi hộ:*DVT: đồng*

ST T	Chỉ Tiêu	Tổng cộng	Học phí	Dạy buổi 2	Vệ sinh phí NH 23-24	Căn tin, giữ xe
1	Tồn năm trước	77.314.621	77.314.621			
2	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	2.220.259.000	814.320.000	1.217.055.000	153.884.000	35.000.000
3	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	2.247.789.621	891.634.621	1.217.055.000	135.600.000	3.500.000
4	Tồn cuối	49.734.000	0	0	18.234.000	31.500.000

Ghi chú: Vệ sinh phí thu chi theo năm học.

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách chế độ ASXH năm 2024:*DVT: đồng*

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	16	4.840.000	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;	9	6.200.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến năm học 2025-2026:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	720.000	
2	BHYT	đồng/học sinh/ năm học	884.520	Theo thông báo thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025
3	Dạy buổi 2	đồng/học sinh/ tiết	7.000	Căn cứ theo NQ 01/2023/NQ- HĐND của HĐND Tỉnh
4	Vệ sinh phí	đồng/học sinh/ năm học	99.000	Căn cứ theo NQ 01/2023/NQ- HĐND của HĐND Tỉnh
II	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	720.000	
2	BHYT	đồng/học sinh/ năm học		Theo thông báo thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025

4. Công khai số dư tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng thương mại ngày 31/12/2024

❖ TK Kho bạc:

ĐVT: đồng

STT	Số tài khoản	Số tiền
1	3713.0.1126714.00000	5.429
2	3714.0.1126714.00000	38.446.586
3	3716.3.1126714.00000	263.183.421

❖ TK Ngân hàng thương mại: số tài khoản: 126000107715. Tại ngân hàng Vietinbank – CN KCN Bình Dương

ĐVT: đồng

	Trích lập quỹ năm 2024	TÒN ĐẦU	Chi	Tồn
1	Quỹ bổ sung thu nhập	729.708.478	729.708.478	-
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	261.318.050	70.575.000	190.743.050
3	Quỹ khen thưởng	71.488.758	43.694.000	27.794.758
4	Quỹ phúc lợi	273.846.896	219.860.000	53.986.896
5	Quỹ CSSKBD	109.145.587	69.452.402	39.693.185
6	nghe ngắn hạn	152.840.000	99.055.480	135.360.000

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

ĐVT: đồng

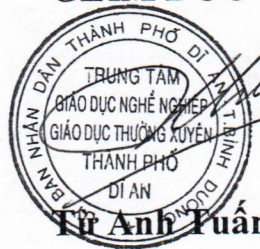
Nội dung	SỐ tiền
I. CHI CHUYÊN NGUỒN NĂM 2024 CHUYÊN SANG	
Nguồn 12 (không tự chủ)	
Nguồn 13 (Tự chủ)	
II. Dự toán giao năm 2025 (không tính 10% giữ tại cấp ngân sách và cân đối nguồn đơn vị)	11.129.000.000
Nguồn 12 (không tự chủ)	1.190.000.000
Nguồn 18 (Quỹ tiền thưởng)	465.000.000

Nguồn 13 (Tự chủ)	9.474.000.000
III. Kinh phí đã thực hiện đến hết ngày 30/6/2025	5.234.870.842
Nguồn 12 (không tự chủ)	314.621.025
Nguồn 13 (Tự chủ)	4.701.249.817
Nguồn 18 (Quỹ tiền thưởng)	219.000.000
IV. Dự toán còn lại (I+II-III)	5.894.129.158
Nguồn 12 (không tự chủ)	875.378.975
Nguồn 13 (Tự chủ)	4.772.750.183
Nguồn 18 (Quỹ tiền thưởng)	246.000.000

Nơi nhận:

- Dán bảng thông báo Trung tâm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Anh Tuấn

Dĩ An, ngày 12 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai theo Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024
của Bộ giáo dục đào tạo năm học 2024 - 2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

I Thời gian: 17 h ngày 12 tháng 06 năm 2025.

II Địa điểm: Phòng họp Trung tâm GDNN-GD TX Dĩ An

II Thành phần tham dự:

Toàn thể CBGV – CNV của Trung tâm GDNN-GD TX Dĩ An.

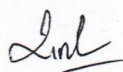
IV Nội dung:

- Tiến hành ghi nhận và lập biên bản niêm yết công khai của Trung tâm GDNN GD TX TP Dĩ An theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2024 – 2025:
 - Công khai thông tin về đơn vị, đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên năm học 2024-2025.
 - Công khai cơ sở vật chất năm học 2024-2025.
 - Công khai kết quả hoạt động giáo dục năm học 2024-2025.
 - Công khai kết quả tài chính năm học 2024-2025.
- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm GDNN-GD TX Dĩ An.
- Địa điểm công khai: Tại bảng công khai Trung tâm GDNN-GD TX Dĩ An, trước hội đồng Trung tâm.

4. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 12 tháng 06 năm 2025 đến ngày 12 tháng 09 năm 2025.

Biên bản được lập vào hồi 19h00 cùng ngày, được lập thành 02 bản: 01 bản lưu hồ sơ trung tâm, 01 bản lưu hồ sơ kế toán./.

THƯ KÝ



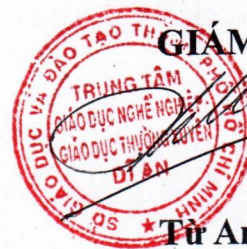
Cao. T. Phương Linh

BCH.CĐCS



Lê Thị Hiền

GIÁM ĐỐC



Từ Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT THÚC CÔNG KHAI

**Công khai theo Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục
đào tạo năm học 2024 - 2025**


Hôm nay, vào hồi 10h ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Trung tâm GDNN-
GDTX Dĩ An, Chúng tôi gồm:

Toàn thể GV, NV trong Trung tâm

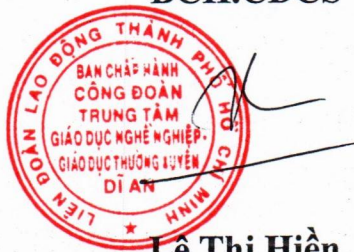
Lập biên bản kết thúc niêm yết công khai: theo Thông tư số 09/2024/TT-
BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của
các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2024 – 2025

Trong thời gian niêm yết công khai từ ngày 12 tháng 06 năm 2025 đến ngày
12 tháng 09 năm 2025 chúng tôi đã không nhận được ý kiến đóng góp nào về nội
dung của theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy
định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục
quốc dân năm học 2024 – 2025./.

THƯ KÝ


Cao.T. Hương Linh

BCH.CĐCS



GIÁM ĐỐC

